

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
“Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 753/TTr-SNNMT ngày 08/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại 17 xã, phường của tỉnh Ninh Bình, gồm:

Nam Minh, Rạng Đông, Nam Trực, Nam Ninh, Quang Hưng, Nam Đồng, Trực Ninh, Cát Thành, Cổ Lễ, Hồng Phong, Quỳ Nhất, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Ninh Giang, Vị Khê và Hồng Quang, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - UBND các xã, phường: Nam Minh, Rạng Đông, Nam Trực, Nam Ninh, Quang Hưng, Nam Đồng, Trực Ninh, Cát Thành, Cổ Lễ, Hồng Phong, Quỳ Nhất, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Ninh Giang, Vị Khê, Hồng Quang;
 - BQLDA đầu tư xây dựng số 2 tỉnh Ninh Bình;
 - Trung tâm phục vụ hành chính công;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - CPVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VP3, 4.
- Q_VP3_ĐTM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN “NÂNG CẤP HỆ THỐNG THỦY LỢI TỈNH NAM ĐỊNH THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU”

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu.

- Địa điểm thực hiện: Tại 17 xã, phường của tỉnh Ninh Bình, gồm: Nam Minh, Rạng Đông, Nam Trực, Nam Ninh, Quang Hưng, Nam Đồng, Trục Ninh, Cát Thành, Cổ Lễ, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Ninh Giang, Vị Khê, Hồng Quang.

- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 tỉnh Ninh Bình.

- Địa chỉ liên hệ: Số 55 Vị Hoàng, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

- Dự án “Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu” được thực hiện theo Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025 của HĐND tỉnh Nam Định (cũ).

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô: Dự án "Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu" thuộc dự án đầu tư nhóm A theo phân loại của pháp luật về đầu tư công; dự án có diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước khoảng 274,37 ha thuộc địa phận 17 xã, phường của tỉnh Ninh Bình: Nam Minh, Rạng Đông, Nam Trực, Nam Ninh, Quang Hưng, Nam Đồng, Trục Ninh, Cát Thành, Cổ Lễ, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Ninh Giang, Vị Khê, Hồng Quang.

- Dự án bao gồm các hạng mục

+ Nâng cấp, hiện đại hóa các tuyến kênh chính thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh với tổng chiều dài là 95,0 km và các công trình trên kênh; xây dựng mới một số cống tưới tiêu dưới đê; 01 trạm bơm tiêu đặt tại vị trí thuộc địa phận xã Quang Hưng, tỉnh Ninh Bình (xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định cũ) đảm bảo tưới 6.090 ha, tiêu 16.282,97 ha của huyện Nam Trực, huyện Trục Ninh và 02 xã thuộc thành phố Nam Định (nay là 17 xã, phường của tỉnh Ninh Bình). Nâng cấp, cứng hóa các tuyến kênh chủ yếu bằng đá xây để thay thế cho các tuyến kênh đất, mặt cắt hình thang đã xuống cấp, nhằm tiết kiệm nước, đường quản lý vận hành kết hợp giao thông nội vùng, phục vụ vận chuyển sản xuất nông nghiệp.

+ Nâng cấp, hiện đại hóa 01 tuyến kênh thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng với tổng chiều dài là 10,545 km và các công trình trên kênh; xây dựng mới

09 công tưới tiêu dưới đê dọc đê Tả Đáy; tưới cho khoảng 3.312 ha và tiêu cho khoảng 3.832 ha diện tích đất canh tác và phục vụ dân sinh trên lưu vực. Nâng cấp, cứng hóa các tuyến kênh chủ yếu bằng đá xây để thay thế cho các tuyến kênh đã xuống cấp, nhằm tiết kiệm nước, đường quản lý vận hành kết hợp giao thông nội vùng, chỉnh trang đô thị.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án chỉ bao gồm hợp phần 1: Nâng cao hiệu quả và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của cơ sở hạ tầng thủy lợi; không bao gồm hợp phần 2: Số hóa hoạt động quản lý của trung tâm thủy lợi và biến đổi khí hậu.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án không thuộc trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

1.4. Phạm vi

- Dự án “Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu” bao gồm các hạng mục sau:

1.4.1. Các hạng mục chính

- Trên hệ thống thủy nông Nam Ninh

TT	Tên công trình	Các thông số xây dựng
1	Cải tạo kênh chính hệ thống Châu Thành L = 15,56 km	- Hệ số mái = 1,5 m; hệ số tưới = 1,3 l/s.ha. - Bề rộng lòng kênh $B_k = 15 - 40$ m. - Cao trình đáy kênh = -2 đến -2,5.
2	Kênh Rộng dài L = 18,95 km	- Hệ số mái = 1,5 m; hệ số tưới = 1,3 l/s.ha; hệ số tiêu = 8,5 l/s.ha. - Độ nhám lòng kênh $n = 0,017$. - Bề rộng lòng kênh $B_k = 5 - 35$ m. - Cao trình đáy kênh = -1,5 đến -4,5.
3	Cải tạo kênh từ hạ lưu cống Cổ Lễ - Bà Nữ dài 14,68 km	- Hệ số mái = 1,5 m; hệ số tưới = 1,3 l/s.ha; hệ số tiêu = 8,5 l/s.ha. - Bề rộng lòng kênh $B_k = 8 - 18$ m. - Cao trình đáy kênh = -1,5 đến -2,5.
4	Cải tạo nâng cấp các tuyến kênh nhánh và xây dựng các công trình trên kênh, chiều dài các tuyến kênh nhánh: L =	- Nạo vét các kênh nhánh: Với Bề rộng lòng kênh $B_k = 3 - 8$ m; cao độ đáy kênh từ -1 đến -2. - Kênh R7; L = 08 km; cống kết cấu BTCT M200; 2 cửa; B = 3 m; cao trình đáy cống -2,0. - Kênh R11; L = 5,174 km; cống kết cấu BTCT M200; 2 cửa; B = 3 m; cao trình đáy cống -2,0. - Kênh R17; L = 5,335 km; cống kết cấu BTCT M200; 2 cửa; B = 3 m; cao trình đáy cống -2,0.

	25,80 km	- Kênh R22; L = 2,315 km; cống kết cấu BTCT M200; 1 cửa; B = 3,5 m; cao trình đáy cống -2,0. - Kênh R24; L = 4,978 km; cống kết cấu BTCT M200; 2 cửa; B = 3 m; cao trình đáy cống -2,0. - Xây mới Cống R7, R11, R17, R22 và R24 kết cấu BTCT M250; khẩu độ từ 2 x (3,0 x 4,2) m đến (3,5 x 3,2) m.
5	Nạo vét tuyến kênh Cổ Lễ - Cát Chử, chiều dài L = 7,25 km	- Hệ số mái = 1,5 m; hệ số tưới = 1,3 l/s.ha; hệ số tiêu = 8,5 l/s.ha. - Bề rộng lòng kênh $B_k = 12$ m. - Cao trình đáy kênh = -1,2 đến -1,5.
6	Nạo vét tuyến kênh Thống Nhất, chiều dài L = 12,5 km	- Hệ số mái = 1,5 m. - Bề rộng lòng kênh $B_k = 5,5 - 18$ m. - Cao trình đáy kênh = -1,5.
7	Xây mới cống Ngô Xá	- Số cửa: 03 cửa; khẩu độ (m) = 2 x (4,5x7,7) + 1 x (6,0x7,7) m. - Chiều rộng: 15 m; cao trình đáy cống = -2,0. - Kết cấu: BTCT M250; cửa van phẳng - bánh xe lăn; đóng mở bằng tời điện.
8	Xây mới cống Bà Nữ	- Vị trí: Tại vị trí cống cũ (Km 18+879 đê hữu sông Ninh Cơ). - QTK = 27 m³/s; hệ số tiêu = 8,5 l/s.ha. - Số cửa: 03 cửa; khẩu độ (m) = 2 x (2,5x6,2) + 1 x (5x6,2). - Chiều rộng = 10 m; kết cấu cống BTCT M250; cửa van phẳng - bánh xe lăn; đóng mở bằng tời điện.
9	Xây mới cống Cát Chử	- Vị trí: Tại vị trí cống cũ (Km 14+225 đê hữu sông Ninh Cơ). - Số cửa: 3 cửa; khẩu độ (m) = 2 x (2,5x6,3) + 1 x (5x6,3). - Chiều rộng = 10 m; chiều dài L = 15 m; cao trình đáy cống = -2,5. - Kết cấu: BTCT M250; đóng mở bằng tời điện.
10	Xây dựng mới trạm bơm Rống	- Trạm bơm + Lưu lượng thiết kế Q = 80 m³/s; lưu lượng nhỏ nhất Q = 20,0 m³/s. + Số tổ máy bơm: 08 tổ máy; mỗi tổ công suất 10,0 m³/s. + Cột nước bơm thiết kế lớn nhất: 6,36 m. - Kênh hút: Nối tiếp từ hệ thống kênh tiêu Rống vào bể hút trạm bơm, gia cố mái kênh bằng kết cấu BTCT M250. - Bể hút, bể xả có kết cấu BTCT M250. - Cống xả qua đê: Xây dựng mới cống xả qua đê, kết cấu BTCT M250; cao trình mặt đê: (+4,78)m; cao trình đáy bể xả: (-2,2); tải trọng qua cống HL93; khẩu độ n×(B×H) = 4×(4,5×3,2)m; cửa van phẳng bằng thép không gỉ, đóng mở bằng máy. - Kênh xả, trạm biến áp, nhà quản lý, nhà kho và các công trình phụ trợ đi kèm

- Trên hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng

+ Cải tạo, kiên cố hóa kênh Ninh Hải theo tuyến kênh cũ với chiều dài 10,545 km (điểm đầu ngã ba sông Bình Hải, xã Hồng Phong và điểm cuối gặp kênh Quần Vinh I (cầu Nam Cường - Nghĩa Thắng) xã Rạng Đông); chiều rộng lòng kênh (7,0÷22,0) m, hệ số mái kênh $m = 1,50$.

+ Xây dựng 09 cống dưới đê

TT	Tên cống	Vị trí xây dựng	Khẩu độ cống	Cao trình đáy cống
1	Xây mới cống Mười Sáu	Nằm trên đê tả Đáy tại (K188+705) xã Nghĩa Sơn	1x(2,5x3,5) m	-1,5
2	Xây mới cống Đồng Liêu	Nằm trên đê tả Đáy tại (K190+745) xã Nghĩa Sơn	1x(2,5x6,0) m	-2,3
3	Xây mới cống Bình Hải I	Nằm trên đê tả Đáy tại (K191+660) xã Hồng Phong	1x(4x6) m + 2x(3x6) m	-2,5
4	Xây mới cống Thuận Hậu	Nằm trên đê tả Đáy tại (K193+510) xã Hồng Phong	1x(2,5x3,5) m	-1,8
5	Xây mới cống Âm Sa	Nằm trên đê tả Đáy tại (K195+095) xã Hồng Phong	1x(4x6,9) m + 2x(3x6,9) m	-2,5
6	Xây mới cống Quỹ Nhất	Nằm trên đê tả Đáy tại (K198+235) xã Quỹ Nhất	1x(6x6) m	-2,5
7	Xây mới cống Ngọc Lâm	Nằm trên đê biển tại (K26+367) xã Nghĩa Lâm	1x(5x5) m	-2,1
8	Xây mới cống Ngọc Việt	Nằm trên đê biển tại (K25+367) xã Nghĩa Lâm	1x(5x5) m	-2,4
9	Xây mới cống Ngọc Hùng	Nằm trên đê biển tại (K24+227) xã Nghĩa Lâm	1x(2,5x4) m	-1,5

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ dự án, bao gồm: Khu phụ trợ; bãi thải; đường giao thông trong và ngoài công trường thi công; điện, nước phục vụ thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân; thông tin liên lạc.

1.4.3. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, rà phá bom mìn.

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt đất trồng lúa nước 02 vụ, nạo vét bùn sông/kênh và xây dựng mới các cống dưới đê, xây dựng trạm bơm Rõng trong khu vực dự án.

- Thi công xây dựng của dự án: Xây dựng mới các cống dưới đê, xây dựng trạm bơm Rõng, xây dựng kè bờ trên kênh/sông, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, phòng cháy chữa cháy và công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ cho dự án.

- Đào đắp, san nền.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trên công trường xây dựng.
- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án giai đoạn vận hành: Hoạt động của nhà quản lý vận hành cống Ngô Xá, trạm bơm Rõng, các cán bộ quản lý vận hành và bảo dưỡng các công trình thủy lợi trong hệ thống.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường do có yêu cầu di dân, tái định cư.

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phạm vi dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiêu, thoát nước của khu vực, tác động đến đời sống, việc làm của các hộ dân bị mất đất.

- Hoạt động thu dọn mặt bằng thi công các công trình xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải san nền, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt đất trồng lúa nước 02 vụ trong phạm vi dự án, hoạt động nạo vét sông/kênh mương phát sinh bùn, đất hữu cơ; hoạt động xây dựng cống dưới đê, xây dựng trạm bơm Rõng.

- Hoạt động phát quang thảm thực vật.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của nhà quản lý vận hành cống Ngô Xá, trạm bơm Rõng phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của cán bộ, công nhân viên tham gia quản lý vận hành và bảo dưỡng kênh mương trong hệ thống phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1 Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,5 m³/ngày.đêm/mỗi vị trí thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, các chất dinh dưỡng (N, P), các chất hữu cơ (BOD₅, COD) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa thiết bị, dụng cụ xây dựng, nước rửa xe ra vào khu vực dự án. Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 05 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh khoảng 0,943 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, độ đục,...

b) Khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng đến khu vực dự án; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng; từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng; từ quá trình hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Khí CO, SO₂, NO_x, bụi đất, bụi cát,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

a) Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tham gia thi công phát sinh khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ bao bì đựng thực phẩm, vỏ hoa quả thải, giấy vụn,...

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 35,4 tấn. Thành phần chủ yếu: Cành, lá, rễ cây dư thừa từ thực vật.

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh phế liệu xây dựng sau khi tận dụng đắp trở lại còn khoảng 354.324 m³. Thành phần chủ yếu: Đất đá, cát, bê tông rơi vãi, giấy xi măng, ni lông, sắt thép vụn,...

- Chất thải phát sinh từ hoạt động nạo vét kênh mương thủy lợi khoảng 1.036.288 m³. Thành phần chủ yếu gồm: Đất, bùn hữu cơ,...

- Khối lượng đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt khoảng 23.520 m³, trong đó đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 5.620 m³ và đất bóc hữu cơ diện tích còn lại 17.900 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động tháo dỡ, di dời đường điện dân sinh.

b) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng phát sinh khoảng 46 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu thải, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, sơn thải, vỏ hộp sơn thải, xỉ hàn, đầu mẫu que hàn thải, nhựa đường,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng (như máy xúc, máy trộn bê tông, máy đầm, máy hàn,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp,...

- Trong quá trình thi công xây dựng có thể xảy ra các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố dịch bệnh, thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

Trong giai đoạn này các tuyến kênh, cống tưới, tiêu trên kênh nhánh và các công trình trên kênh không phát sinh nước thải do không có hoạt động vận hành thường xuyên.

3.2.1. Nước thải

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà quản lý vận hành cống và trạm bơm cao nhất khoảng 0,2 m³/ngày/khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại khu điều hành trạm bơm Rộng và cống Ngô Xá ước tính khoảng 02 kg/ngày/khu vực. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại thức ăn thừa, bao bì, chai lọ,...

- Chất thải rắn từ hoạt động quản lý, vận hành trạm bơm Rộng và các cống tưới tiêu dưới đê: Không phát sinh.

b) Chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn vận hành các tuyến kênh, cống không phát sinh chất thải nguy hại do không có hoạt động vận hành thường xuyên.

- Riêng đối với trạm bơm Rộng và cống Ngô Xá, chất thải nguy hại phát sinh khoảng 02 kg/năm/khu vực từ hoạt động của nhà quản lý vận hành. Thành phần chất thải gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy thải,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn vận hành các tuyến kênh, cống, trạm bơm không phát sinh tiếng ồn do không có hoạt động vận hành thường xuyên.

3.2.4. Các tác động khác

Các tác động có thể phát sinh gồm sự cố về sụt lún cống, trạm bơm, sự cố ngập úng khi vận hành cống, rủi ro sạt lở, xói mòn bờ kênh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Tuyển dụng nhân công địa phương có điều kiện tự túc ăn ở. Lập nội quy trên công trường, trong đó có nội dung liên quan đến nước thải sinh hoạt như giữ gìn vệ sinh công cộng, nghiêm cấm phóng uế và xả thải bừa bãi,...

- Bố trí 17 nhà vệ sinh di động tại các khu vực thi công (mỗi nhà vệ sinh có 02 buồng, tổng dung tích bể gom khoảng 02 m³/nhà), nước thải và bùn từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom là 02 ngày/lần hoặc khi đầy.

- Nước rửa xe ra vào công trường được thu gom vào bể lắng cặn đất cát và lọc dầu mỡ bằng lưới vải chuyên dụng trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực. Bố trí 01 hố tách dầu và 01 hố lắng nước thải từ quá trình rửa xe tại mỗi công trường với kích thước mỗi công trình là 1m x 1m x 1m để lắng cặn và tách dầu mỡ. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới ẩm, giảm bụi trên công trường. Vải tách dầu mỡ được thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

- Bùn đất và cát tại hố lắng, lọc được nạo vét và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến khu lưu giữ theo phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

- Nước mưa chảy tràn sẽ tự chảy theo độ dốc vào các rãnh thoát nước (kích thước 0,5 x 0,5 m) sau đó qua hố lắng tạm thời (kích thước 1m x 1m x 1m) để lắng sơ bộ. Nước được dẫn vào các hố ga lắng cặn, phần nước sau lắng được tận dụng một phần để phun dập bụi, phần còn lại sẽ được xả theo hướng thoát nước tự nhiên của khu vực.

b) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Áp dụng hình thức thi công cuốn chiếu, tập kết vật liệu theo từng vị trí, mỗi vị trí tập kết vật liệu sẽ phải quay phủ bạt. Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá. Hạn chế sử dụng đồng thời nhiều thiết bị vào cùng 1 thời điểm.

- Bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ hợp lý.

- Bố trí cầu rửa xe tại cổng ra, vào khu vực thi công.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Thường xuyên phun nước chống bụi; thu dọn và vệ sinh bề mặt khu vực thi công rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động trên công trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

Thực hiện phân loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Mỗi công trường bố trí tối thiểu 03 thùng dung tích (thể tích 100 lít/thùng) có nắp đậy, có bánh xe tại khu vực lán trại công nhân, nhà vệ sinh và tuyến đường để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chuẩn bị, xây dựng

- + Phần đất đào: Lớp đất mặt được bóc tách từ phần diện tích đất trồng lúa 02 vụ được tận dụng đắp mái kênh, kết hợp trồng cỏ, phần còn lại khoảng 1.424.132 m³ được thu gom, vận chuyển đến 27 khu vực bãi chứa đã thỏa thuận với địa phương.

- + Chất thải rắn xây dựng: Các loại chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định. Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ tại khu vực lưu chứa tạm thời diện tích 100 m² tại mỗi khu vực thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang sinh khối được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- + Bố trí công nhân dọn vệ sinh, thu dọn vật liệu, chất thải thi công phát sinh tại công trường.

b) Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ vào 02 thùng chuyên dụng có nắp đậy với dung tích 100 lít tại mỗi công trường (tổng 17 công trường).

- Bố trí 01 khu chứa chất thải nguy hại có diện tích là 5 - 7 m² tại mỗi công trường (17 công trường). Khu chứa chất thải nguy hại được thiết kế theo đúng quy định: Sàn bê tông, trong nhà kín; khu chứa có thiết kế gờ cao 10 cm và hố thu có kích thước 20 x 20 x 40 cm để phòng sự cố tràn chất thải dạng lỏng; trong khu chứa có đầy đủ các thiết bị ứng phó sự cố, phòng cháy, chữa cháy.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công hợp lý.

- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc; các phương tiện chuyên chở vật liệu san lấp, vật liệu thi công phải đạt các tiêu chuẩn quy định.

- Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

- Hạn chế vận hành các thiết bị đồng thời, tắt các máy móc khi không cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông.

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép.

4.1.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên sử dụng nhân lực tại địa phương trong giai đoạn thi công và giai đoạn hoạt động của dự án. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi: Nam Ninh và Nghĩa Hưng xây dựng phương án tưới tiêu nước trong hệ thống.

- Có biện pháp gia cố các vị trí xung yếu của dự án để giảm thiểu khả năng bị sạt lở, sụt lún dưới tác động của mưa, gió trong bão, áp thấp nhiệt đới.

- Tuân thủ các quy hoạch, phương án thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý toàn bộ chất thải phát sinh từ dự án.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ dự án.

- Thi công xây dựng công trình đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt, san nền đảm bảo tôn trọng địa hình tự nhiên khu vực.

4.1.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thành lập đội phòng cháy chữa cháy (PCCC) tại công trường; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực chứa xăng dầu, kho vật tư dễ cháy nổ, trạm biến áp,...); quy định nội quy ra - vào, làm việc, sử dụng thiết bị, nội quy về an toàn điện tại từng công trường xây dựng và phổ biến cho người lao động thực hiện theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; bố trí kế hoạch thi công phù hợp, thi công các hạng mục đúng kỹ thuật.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Ban hành nội quy làm việc trên công trường; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế; lập danh sách và địa chỉ các bệnh viện và cơ sở y tế gần nhất.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố sạt lở, lũ lụt: Thường xuyên theo dõi cảnh báo khí tượng thủy văn; không thi công trong thời gian có mưa lũ; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố thiên tai: Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão. Vào mùa mưa bão, chủ dự án thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để cập nhật thông tin và phối hợp triển khai các phương án phòng chống.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố chập điện, điện giật: Tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn điện theo đúng quy định của pháp luật; cấm biển báo và nội quy an toàn về điện trong khu vực có các thiết bị điện, dây điện, cáp điện; kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên để kịp thời xử lý các lỗi ở trạm biến áp; trang bị phương tiện, trang thiết bị để kịp thời ứng phó sự cố.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Các vị trí xây dựng công trình của dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành, do đó không có công trình, biện pháp giảm thiểu.

- Đối với nhà quản lý trạm bơm Rông: Xây dựng bể tự hoại ba ngăn bố trí dưới tầng 1 nhà quản lý để thu gom, xử lý nước thải từ nhà vệ sinh. Nước thải sau xử lý được lưu chứa tại bể chứa, sau đó tận dụng tưới cây trong khuôn viên dự án.

b) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải: Không yêu cầu.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Biện pháp quản lý chất thải rắn

Đối với nhà quản lý công và trạm bơm: Rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy với dung tích từ 100 lít đặt tại khuôn viên nhà điều hành công và trạm bơm. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Đối với nhà quản lý công và trạm bơm: Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ vào 02 thùng chuyên dụng có dung tích 50 lít để tại kho chứa chất thải nguy hại trong khuôn viên nhà quản lý công và trạm bơm với diện tích 05 m². Kho chứa thiết kế theo quy định, có biển báo, biển cảnh báo, cửa có khóa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố sụt lún

- Đơn vị quản lý vận hành thường xuyên kiểm tra định kỳ công trình.

- Thi công theo đúng phương án thiết kế được duyệt.

b) Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận hành cống

- Đơn vị quản lý vận hành các cống thường xuyên kiểm tra định kỳ công trình, thay thế sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Thực hiện đúng các quy trình vận hành để đảm bảo an toàn cho cống.

- Đơn vị quản lý vận hành cống, trạm bơm phối hợp chặt chẽ với UBND xã và người dân địa phương để kịp thời báo cáo các rủi ro liên quan để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Ban hành và phổ biến rộng rãi quy trình vận hành cống, trạm bơm cho cán bộ địa phương và đơn vị quản lý.

- Đào tạo nhân sự vận hành, đảm bảo có người trực kỹ thuật trong mùa mưa lũ.

- Lắp đặt hệ thống đo mực nước tự động tại thượng và hạ lưu cống (nếu điều kiện cho phép).

- Thực hiện bảo trì, kiểm tra định kỳ van cống, cửa xả, tránh tình trạng kẹt hoặc hỏng hóc.

c) Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, cản trở thoát lũ

Thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thủy văn cống đã được tính toán, xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH

- Vị trí giám sát: Tất cả các vị trí có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; thùng chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Liên tục.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp thu gom, vận chuyển đất, đá, vật liệu thải, phế thải; phương án vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí quan trắc, giám sát

+ 17 vị trí: Trên Hệ thống thủy nông Nam Ninh: 08 vị trí kênh chính, 04 vị trí xây dựng cống mới và trạm bơm; 05 vị trí trên kênh nhánh, trong đó:

. 02 vị trí tại kênh Châu thành - Rõng (kênh Châu Thành thuộc phường Vị Khê và kênh Rõng thuộc xã Trục Ninh).

. 02 vị trí tại kênh Cổ Lễ - Bà Nữ (đầu kênh thuộc xã Cổ Lễ và cuối kênh thuộc xã Cát Thành).

. 02 vị trí tại kênh cổ Lễ - Cát Chử (đầu kênh thuộc xã Ninh Giang và cuối kênh thuộc xã Cát Thành).

. 02 vị trí tại kênh Thống Nhất (đầu kênh thuộc xã Trục Ninh và cuối kênh thuộc xã Quang Hưng).

. 04 vị trí tại cống xây dựng mới và Trạm bơm Rõng, gồm: Cống Ngô Xá, cống Bà Nữ, cống Bát Chử và trạm Bơm Rõng.

. 05 vị trí giữa các kênh R7, R11, R17, R22, R24.

+ 11 vị trí tại hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng, trong đó:

. 02 vị trí tại Kênh Ninh Hải (đầu kênh thuộc xã Hồng Phong và cuối kênh thuộc xã Rạng Đông).

. 09 vị trí tại cống xây dựng mới: Cống Mười Sáu, cống Đồng Liêu, cống Bình Hải I, cống Thuần Hậu, cống Âm Sa, cống Quỹ Nhất, cống Ngọc Lâm, cống Ngọc Việt và cống Ngọc Hùng.

- Thông số quan trắc, giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực dự án trước khi triển khai thi công.

- Đối với đất đào phát sinh trong quá trình thực hiện thi công

+ Tận dụng, tái sử dụng tối đa đất đá đào trong phạm vi dự án cho mục đích

phù hợp. Trường hợp, chất thải thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường, được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng. Trường hợp, chất thải được phân định là chất thải thông thường, chất thải phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải tại điểm g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp, chất thải được phân định thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, chất thải được quản lý như sản phẩm hàng hoá.

+ Tuân thủ, thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản đối với khối lượng đất đào phát sinh trong quá trình thi công dự án. Trường hợp, khối lượng đất đá thải phát sinh xác định là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được sử dụng cho dự án, dự án khác thì trước khi tiến hành thực hiện, chủ dự án phải thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về điện lực, xây dựng, đất đai, thuỷ lợi, quy hoạch, giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi triển khai và trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ cho các phương tiện đi lại đảm bảo an toàn, giao thông trên tuyến được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo việc tập kết vật liệu xây dựng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp trong quá trình triển khai dự án, bảo đảm đạt yêu cầu về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất lượng nước mặt, không khí xung quanh và vệ sinh lao động, chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành dự án.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công dự án; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới địa bàn thi công và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực về thời gian, địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết giao thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường và khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Thông tin rộng rãi cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án; thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động môi trường và chương trình giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp tại các khu vực thi công và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, kênh, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trong khu vực thực hiện dự án.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải thi công trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra thường xuyên để phát hiện sự cố, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng, đặc biệt trong các đợt mưa lớn, bão, lũ; nếu để xảy ra sạt lở do hoạt động thi công ảnh hưởng đến các công trình xây dựng, dân sinh trong khu vực, phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý; phối hợp với các cơ quan liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thi công dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố kỹ thuật, sự cố cháy nổ, sự cố do thiên tai, sự cố sụt lún, sạt lở cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án. Có biện pháp cải tạo, hoàn nguyên các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện của dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về hành lang bảo vệ công trình Thủy lợi, hành lang bảo vệ nguồn nước. Chỉ được phép đổ thải các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào các bãi thải trong đề được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, không nằm trong hành lang thoát lũ, không ở các vị trí cấm san lấp theo quy định của pháp luật và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng ngừa ứng phó sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, kết quả điều tra địa chất thủy văn, địa chất công trình và danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh, sự cố môi trường./.